

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **72/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

2. Ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: phường AP, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Trần Minh P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khóm TP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trần Minh P tự nguyện yêu thương nhau, tiến đến kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 18/02/2012. Sau khi kết hôn, chị D và

anh P sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và cách sống cũng như nhận thức vấn đề của hai bên không đồng nhất. Chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân chỉ còn tồn tại trên mặt pháp lý nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: Ly hôn với anh Trần Minh P;

2/ Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ X, sinh ngày 23/11/2011 và Trần Minh L, sinh ngày 06/10/2014. Hiện 02 cháu đang sống với anh P. Khi ly hôn chị sẽ để anh P tiếp tục nuôi hai con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2021 và quá trình hòa giải bị đơn anh Trần Minh P thể hiện ý kiến:

Anh thống nhất nội dung trình bày của chị D liên quan đến quá trình cả hai tiến đến hôn nhân. Hiện chị D yêu cầu ly hôn anh cũng thống nhất đồng ý. Do hiện tại chị D cũng không chịu quay về chung sống với anh nên anh cũng không yêu cầu Tòa án cho thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Đối với 02 con chung tên Trần Thị Mỹ X, sinh ngày 23/11/2011 và Trần Minh L, sinh ngày 06/10/2014. Hiện anh đang nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

Tại phiên tòa ngày 29 tháng 3 năm 2021: Chị D, anh P vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt khi Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trần Minh P;

+ Về con chung: Anh P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Mỹ X, sinh ngày 23/11/2011 và Trần Minh L, sinh ngày 06/10/2014.

Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000đồng để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con chung;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Hồng D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh Trần Minh P. Anh P có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng D và anh Trần Minh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh P.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Anh P và chị D tiến đến hôn nhân và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý vào ngày 18/12/2012. Việc đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 130/KH.MQ ngày 18/12/2012. Hiện tại do hôn nhân không hạnh phúc nên chị D yêu cầu ly hôn với anh P.

Tại thời điểm chị D gửi đơn yêu cầu ly hôn với anh P, Tòa án cũng có nhận được đơn yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích L với anh Trần Minh P. Đối với yêu cầu khởi kiện của mình chị L có cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/KH.MQ, quyển số: 01/2004 ngày 11/02/2004 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý cấp cho Trần Minh P, Huỳnh Thị Bích L. Đến ngày 16/9/2020, chị Huỳnh Thị Bích L rút lại yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 82/2020/QĐST-HNGĐ.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh P với chị L; giữa anh P với chị D đều do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý cấp nên ngày 19/10/2020 Tòa án đã có công văn số 367/TA, gửi Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý để xác minh trình tự, thủ tục cấp hai giấy chứng nhận đăng ký kết hôn trên. Kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý tại Công văn số 367/UBND-TP, ngày 30/12/2020 thể hiện nội dung:

“Ngày 11/02/2004, ông Trần Minh P sinh năm 1982 hộ khẩu thường trú tại: khóm MP, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang và bà Huỳnh Thị Bích L, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú tại: khóm MT, phường MQ, thành phố LX, tỉnh An Giang có đến Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý lập thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi kiểm tra dữ liệu sổ đăng ký kết hôn, địa phương đã tiến hành lập thủ tục và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho ông Trần Minh P và bà Huỳnh Thị Bích L, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 07/KH.MQ, quyển số: 01/2004 ngày 11/02/2004.

Sau đó, ngày 18/12/2012 ông Trần Minh P tiếp tục lập thủ tục đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1991, thường trú tại: Ấp AK, xã ATT, huyện CM, tỉnh An Giang; và cũng đã được Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130/KH.MQ ngày 18/12/2012.

Qua sự việc trên, nhận thấy việc kết hôn giữa ông Trần Minh P và bà Huỳnh Thị Bích L là hôn nhân hợp pháp vẫn đang tồn tại và được công nhận theo quy định pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 130/KH.MQ ngày 18/12/2012 giữa ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị Hồng D được cấp, chưa đúng theo Điều 18 của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch vì ông Trần Minh P vẫn chưa lập thủ tục ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích L theo quy định, và do cán bộ hộ tịch đã thiếu sót trong việc xác minh, rà soát dữ liệu lưu kết hôn tại địa phương”.

Qua nội dung trả lời của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý Hội đồng xét xử xác định đến thời điểm hiện tại hôn nhân hợp pháp giữa anh P với chị L vẫn còn tồn tại. Do đó, tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh P, chị D vẫn không có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử bác yêu cầu của chị D và quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị D và anh P. Chị D, anh P phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Cháu Trần Thị Mỹ X, sinh ngày 23/11/2011 và Trần Minh L, sinh ngày 06/10/2014. Hiện hai con đang sống với anh P. Khi ly hôn chị D yêu cầu được giao con cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Yêu cầu của chị D anh P đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định: Giao con chung cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P phải tạo điều kiện cho chị D trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con 1.000.000đồng/tháng. Việc tự nguyện của chị D không trái quy định pháp luật và nhằm bảo đảm quyền lợi cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị D, anh P trình bày không có. Tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời gian chung sống như vợ chồng thì chị D, anh P phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 8, Điều 11, 12, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 3 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Bác yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D và hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Hồng D với anh Trần Minh P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/KH.MQ, quyền số 01/2012, do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Trần Minh P, Nguyễn Thị Hồng D ngày 18/12/2012.

2/ Về con chung: Anh Trần Minh P trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Thị Mỹ X, sinh ngày 23/11/2011 và Trần Minh L, sinh ngày 06/10/2014. Anh P tạo điều kiện cho chị D trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Trần Thị Mỹ X, sinh ngày 23/11/2011 và Trần Minh L, sinh ngày 06/10/2014 mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), cho đến lúc hai cháu trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 29/03/2021. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; nhưng được khấu trừ một phần vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009318, ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên. Chị D phải nộp thêm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Trần Minh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân phường Mỹ Quý, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bé Thu

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bé Thu